

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122017200104 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040084	36CLC-CĐ	Nguy n ấ c An	05/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
2	3671040641	36CLC-CĐ	ấ ấ Gia B o	26/07/1994				4.0	3.0	1.0	2.7	0.8	1.0	0.7	1.5	
3	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ng Thanh B ấ nh	18/06/1994				7.0	4.5	6.0	5.8	1.7	3.0	2.1	3.9	
4	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C nh	07/10/1994				4.0	3.0	1.0	2.7	0.8	1.5	1.1	1.9	
5	3671040058	36CLC-CĐ	ấ ấ Nguy ấ n Cát	28/08/1994				6.0	2.5	8.0	5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
6	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ấ nh C ng	22/10/1994				6.0	5.0	2.5	4.5	1.4	1.3	0.9	2.3	
7	3671041895	36CLC-CĐ	Tr n Kh i C ng	21/05/1993				5.0	2.0	1.0	2.7	0.8	1.5	1.1	1.9	
8	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ấ ng Ch ấ nh	27/12/1994							0.0	0.0	0	0.0		
9	3671040068	36CLC-CĐ	Tr n V ấ nh Du n	06/02/1994				5.0	3.0	4.0	4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
10	3671040508	36CLC-CĐ	Nguy n Tu n Duy	14/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
11	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n T i n D ấ ấ	16/08/1993				4.0	2.0	4.0	3.3	1.0	0	0.0		
12	3671041133	36CLC-CĐ	Tr n Anh D ấ ấ	03/10/1994				4.0	2.5	4.0	3.5	1.1	3.0	2.1	3.2	
13	3671040843	36CLC-CĐ	Tr n Thanh Giang	02/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		
14	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H i	12/01/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
15	3671040857	36CLC-CĐ	V ấ ấ n H i	14/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
16	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh Hoàng	05/03/1993				9.0	5.0	8.5	7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
17	3671040736	36CLC-CĐ	T V ấ nh H ấ a	01/10/1993				7.0	3.0	9.0	6.3	1.9	3.5	2.5	4.4	
18	3671040082	36CLC-CĐ	Nguy n Cao Huy	27/05/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
19	3671041641	36CLC-CĐ	Ph m S n H ầ ng	02/04/1994				6.0	3.0	5.0	4.7	1.4	2.5	1.8	3.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122017200104 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh	Ki t	14/10/1994				8.0	3.0	2.5	4.5	1.4	2.0	1.4	2.8	
21	3671040997	36CLC-CĐ	B ầ Duy	Kh ấ h	23/07/1994							0.0	0.0	0	0.0		
22	3671041838	36CLC-CĐ	Nguy n Duy	Kh ấ h	13/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		
23	3671040081	36CLC-CĐ	Nguy n Th M ính	Kh ầ	27/10/1994							0.0	0.0	0	0.0		
24	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang	Khu ầ	13/08/1994				8.0	5.0	5.5	6.2	1.9	1.0	0.7	2.6	
25	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ấ c	L ính	18/03/1994				6.0	3.0	1.5	3.5	1.1	1.0	0.7	1.8	
26	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m	L i	19/03/1994							0.0	0.0	0	0.0		
27	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t	M ính	09/04/1994				6.0	3.0	6.0	5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
28	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u	Nam	08/11/1994				7.0	6.5	9.0	7.5	2.3	2.8	2.0	4.2	
29	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ấ ph	Nam	29/12/1994				6.0	3.0	3.0	4.0	1.2	0.3	0.2	1.4	
30	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n H i u	Nh ầ	29/04/1994				7.0	6.5	9.0	7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
31	3671041850	36CLC-CĐ	B ầ i L ² Tu n	Phong	07/01/1994				8.0	5.5	8.0	7.2	2.2	3.8	2.7	4.8	
32	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n H ầ ng	Phúc	20/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
33	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n M ính	Quang	14/07/1994				6.0	5.0	6.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	
34	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ầ ng V ấ	Sang	25/04/1994				6.0	3.0	3.0	4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
35	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n T i n	S	09/01/1994				7.0	6.0	4.0	5.7	1.7	1.8	1.3	3.0	
36	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n	T ính	19/03/1994				7.0	3.0	4.0	4.7	1.4	2.0	1.4	2.8	
37	3671040457	36CLC-CĐ	H C ầ ng	Tu n	13/10/1994				5.0	0.0	3.0	2.7	0.8	1.5	1.1	1.9	
38	3671040226	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh	T ầ ng	02/04/1994				6.0	4.0	4.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122017200104 - S c b n v t l i u H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M TH ấ	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ấ ng Thanh	02/12/1993				8.0	6.0	7.5	7.2	2.2	4.3	3.0	5.2	
40	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c Thành	23/08/1994				3.0	2.5	2.0	2.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
41	3671040092	36CLC-CĐ	Nguy n Quang Thái	11/12/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
42	3671041940		L ² Ti n Th ng	20/06/1992				6.0	2.0	3.0	3.7	1.1	0.3	0.2	1.3	N HP
43	3671041945	36CLC-CĐ	L ² Ti n Th ng	20/06/1992							0.0	0.0	0	0.0		
44	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh Trai	00/01/1900				6.0	4.0	3.0	4.3	1.3	0.8	0.6	1.9	
45	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công Tri u	14/05/1994				4.0	4.0	2.5	3.5	1.1	1.8	1.3	2.3	
46	3671040936	36CLC-CĐ	Trang Thanh Trung	25/08/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP
47	3671010091	36CLC-CĐ	Tr n Qu c Vi t	14/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		N HP

T ng s : 47 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ồ Vi² n B M ấ n

Gi ồ V Khoa